

Bản án số: **162/2024/KDTM-ST**

Ngày: 03/7/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Xuân Thảo

2/ Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Yên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 102/2022/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2024/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 2136/2024/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Trụ sở: Lô F đường E, khu công nghiệp T, phường T, quận B, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Nam T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Lô I đường, khu công nghiệp T, phường T, quận B, TP. Hồ Chí Minh

Theo giấy ủy quyền số 1106/2024/SMC/GUQ ngày 11/01/2024

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH D

Trụ sở: A T, Phường D, quận Y, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977

(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S do ông Trần Nam T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần S (Sau đây gọi tắt là “Công ty S”) và Công ty TNHH Đ (Sau đây gọi tắt là Công ty Đ”) đã ký kết Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm 012612/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 26/12/2019 và các Phụ lục hợp đồng 011501/SMC/KD/PLHĐ/2020 ngày 15/01/2020, 021403/SMC/KD/PLHĐ/2020 14/03/2020 (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”). Theo Hợp đồng:

Công ty Đ chấp thuận cho Công ty S cung cấp bê tông trộn đến công trình: Vinhomes G - phường L và L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ theo khối lượng và chủng loại bê tông giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng, cứ 15 ngày, Công ty S và xuất hoá đơn cho Công ty Đ, Công ty Đ thanh toán 100% giá trị cho Công ty S sai Gòn trong vòng 30 ngày kể từ ngày tổng hợp khối lượng.

Thực hiện Hợp đồng:

- Từ Tháng 12/2019 đến Tháng 9/2020, Công ty S đã cung cấp bê tông trộn sẵn cho Công ty Đ tại công trình nêu trên với tổng giá trị là 3.506.270.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Từ ngày 10/06/2020 đến ngày 16/09/2020, Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty S tổng số tiền là 1.950.000.000 đồng (Một tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng).

- Công ty Đ còn phải thanh toán cho Công ty S tổng số tiền là 1.556.270.000 đồng (Một tỷ, năm trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng). Ngày tổng hợp khối lượng sau cùng là 13/10/2020. Thời hạn thanh toán sau cùng là ngày 13/11/2020.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai bên không tranh chấp về khối lượng, chất lượng bê tông. Hai bên đã xác nhận khối lượng bê tông, xuất hoá đơn giá trị gia tăng đầy đủ. Công ty S đã nhiều lần đề nghị thanh toán nhưng Công ty Đ vẫn chưa thanh toán hết nợ. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Công ty S có quyền yêu cầu Công ty Đ, ngoài việc phải thanh toán ngay khoản nợ quá hạn còn phải trả lãi do chậm trả trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tính từ ngày chậm trả cho đến ngày trả hết nợ.

Nay, Công ty S khởi kiện đề nghị Tòa án:

1. Công ty Đ phải trả ngay cho Công ty S số tiền còn nợ là 1.556.270.000 đồng (Một tỷ, năm trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng);

2. Công ty Đ phải trả ngay cho Công ty S số tiền lãi do chậm trả với lãi suất 9%/năm trên số tiền chậm trả, tính từ ngày 14/11/2020 đến ngày trả hết nợ, tạm tính đến ngày 03/7/2024 là 509.072.126 đồng.

Tổng số tiền Công ty S yêu cầu Công ty Đ phải trả ngay tính đến ngày 03/7/2024 là 2.035.342.126 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S do ông Trần Nam T đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn Công ty TNHH Đ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì giữa các bên đã phát sinh quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị đơn Công ty TNHH Đ có trụ sở tại A T, Phường D, quận Y, TP . Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S do ông Trần Nam T đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Công ty TNHH Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ các Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm 012612/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 26/12/2019 và các Phụ lục hợp đồng 011501/SMC/KD/PLHĐ/2020 ngày 15/01/2020, 021403/SMC/KD/PLHĐ/2020 14/03/2020 thì giữa Công ty Cổ phần S và Công ty TNHH Đ phát sinh quan hệ mua bán hàng hóa là bê tông thương phẩm. Theo đó, tổng số tiền hàng Công ty S đã giao hàng cho Công ty Đ với số tiền là: 3.506.270.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng), tổng số tiền Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty S với số tiền là: 1.950.000.000 đồng (Một tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng). Như vậy, Công ty Đ còn phải thanh toán cho Công ty S tổng số tiền là

1.556.270.000 đồng (Một tỷ, năm trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải trả số tiền trên. Về phía bị đơn Công ty Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty S nhưng bị đơn không có mặt để trình bày ý kiến thể hiện bị đơn không phản đối và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S yêu cầu Công ty Đ trả lại số tiền 1.556.270.000 đồng (Một tỷ, năm trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại nên chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết, Công ty S yêu cầu Công ty Đ trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm kể từ ngày 14/11/2020 đến ngày xét xử là 509.072.126 đồng. Xét yêu cầu tính lãi và mức lãi suất là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại nên chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền Công ty Đ có trách nhiệm trả cho Công ty S là 2.035.342.126 đồng.

[5] Về thời hạn: Xét nguyên đơn yêu cầu trả nhà ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình yêu cầu chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 189, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật thương mại;
- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

Buộc Công ty TNHH Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần S số tiền 2.035.342.126 (hai tỉ không trăm ba mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn một trăm hai mươi sáu) đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Đ phải nộp 72.706.842 (bảy mươi triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn tám trăm bốn mươi hai) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần S số tiền 34.650.240 (ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn hai trăm bốn mươi) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0032174 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND Q. TB;
- CC THADSQTĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Vân